

TÌNH YÊU VÀ THÙ HẬN

(Trích *Rô-mê-ô và Giu-li-ét*)

A – MỤC TIÊU BÀI HỌC

Giúp HS :

– Hiểu được tình yêu cao đẹp bất chấp thù hận giữa hai dòng họ của Rô-mê-ô và Giu-li-ét.

– Phân tích được diễn biến tâm trạng nhân vật qua ngôn ngữ đối thoại của Rô-mê-ô và Giu-li-ét. Từ đó, nhận biết được xung đột giữa khát vọng tình cảm cá nhân và hận thù dai dẳng giữa hai dòng họ và quyết tâm của hai người hướng tới xây dựng một cuộc sống hạnh phúc.

– Nhận thức được sức mạnh của tình yêu chân chính, của tình người cao đẹp, là động lực sẽ giúp con người vượt qua mọi định kiến và hận thù.

B – NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

I – NỘI DUNG

1. Đặc điểm bài học

– Đây là vở bi kịch được sáng tác sớm nhất của tác giả này. Trong *Rô-mê-ô và Giu-li-ét*, cái bi được tạo ra từ sự xung đột giữa cá nhân và hoàn cảnh (có thể coi là bi kịch kiểu cũ để phân biệt với bi kịch kiểu mới như *Hăm-lét*...). Ở đó cái bi được tạo ra từ sự xung đột giữa tính cách và hoàn cảnh).

– Vở kịch *Rô-mê-ô và Giu-li-ét* viết về đề tài tình yêu – gắn với khát vọng giải phóng con người của thời đại Phục hưng và cũng là dạng đề tài phổ biến trong văn học thế giới. Qua đề tài tình yêu, Sếch-xpia, cũng như các nhà nhân văn khác, khẳng định vẻ đẹp trần thế, ca ngợi hạnh phúc do chính con người tạo ra chứ không phải là loại hạnh phúc mà chúa trời ban phát. Đồng thời qua đề tài tình yêu, tác giả cũng lên tiếng bênh vực và bảo vệ cho quyền lợi của những người phụ nữ. Khát vọng tình yêu mang tính chất cao cả, giàu tính nhân văn và là khát vọng đòi hỏi gắn liền với thời đại Phục hưng.

– Kịch của Sếch-xpia là đỉnh cao của nghệ thuật sân khấu thế giới với cách thức tạo dựng xung đột và điển hình. Các xung đột kịch được trình bày là những xung đột cơ bản, gay gắt, dai dẳng và quyết liệt mang tính thời đại. Do đó, các xung đột

được lựa chọn cũng đã mang phẩm chất và sức mạnh khái quát thời đại, tạo ra tính điển hình của thời đại. Các xung đột này đều được giải quyết một cách hợp lý tạo ra khả năng thuyết phục lớn.

– Đề tài tình yêu còn được đặt trong một bối cảnh thiên nhiên thơ mộng tạo ra tính chất huyền ảo khác thường của câu chuyện kịch đồng thời cũng có tác dụng tạo ra sự tương phản, qua đó cho thấy tính chất đối kháng quyết liệt của xung đột kịch mà Sếch-xpia tạo dựng ở đây.

– Ngôn ngữ kịch hết sức tự nhiên, nhuần nhị, phù hợp với đề tài, với nhân vật và là cách nói của tình yêu say đắm, hoà hợp chân thành. Đây cũng là cách nói, lối nói, hình thức nói của một thời đại mà ở đó con người khát khao được giải phóng, khát khao cái mới.

– Cũng cần nói thêm một số nét về thời đại Phục hưng, đặc biệt cần nhấn mạnh đây là một thời đại mới với những chuyển biến cách mạng lớn lao, làm rạn nứt các thành lũy phong kiến và giáo hội châu Âu, từ đó HS thấy rõ hơn xung đột kịch được trình bày ở đây.

– Khi giảng kịch, việc khai thác xung đột kịch là cần thiết. Song xung đột kịch không phải được dàn đều trong mọi cảnh kịch. Dạy đoạn trích *Tình yêu và thù hận*, GV cần chú ý điểm này. Xung đột trong toàn vở *Rô-mê-ô và Giu-li-ét* là xung đột giữa tình yêu chân thành, trong trắng với hận thù của hai dòng họ. Song trong đoạn trích, xung đột đó không nổi lên trên bình diện hàng đầu mà ở đây chỉ là tình yêu bất chấp thù hận.

HS cần nắm vững các nội dung trên đây để nắm bắt và phân tích tốt đoạn trích. Các gợi ý về giảng dạy ở đây nhằm để GV tham khảo.

2. Trọng tâm bài học

a) Phần *Tiểu dẫn*. Có hai ý cơ bản :

– Giới thiệu về tác giả Sếch-xpia và nhận định chung về sáng tác của ông. GV không cần mở rộng thêm.

– Giới thiệu văn bản kịch *Rô-mê-ô và Giu-li-ét* bằng cách tóm tắt nội dung. GV cần cho HS biết rõ vị trí của đoạn trích để HS hình dung được sự phát triển của câu chuyện kịch.

b) Hướng dẫn học bài

– Phần này có năm câu hỏi. Hệ thống câu hỏi nhằm giúp HS hiểu và nắm bắt được hình thức văn bản kịch. Khác với tiểu thuyết, kịch được chia thành các hồi ; mỗi hồi lại chia thành nhiều cảnh ; lời thoại của các nhân vật nối tiếp nhau liền mạch

tạo thành nội dung và nghệ thuật của vở kịch. Ngoài ra, khi vở kịch được diễn trên sân khấu, thì ngoài các lời thoại còn có động tác, cử chỉ, điệu bộ diễn xuất nữa. GV lưu ý đặc điểm này cho HS.

GV dẫn dắt HS trả lời các câu hỏi theo thứ tự, giúp HS có ý thức thường xuyên bám sát văn bản. HS phải đọc kĩ và rút ra được những dẫn chứng tiêu biểu, từ đó HS tự rút ra kết luận qua chính các thao tác này. Đây cũng là cách thức giúp HS hình thành khả năng nhận xét và khái quát các vấn đề.

II – PHƯƠNG PHÁP VÀ TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC

1. Phương pháp dạy học

– Vận dụng những tri thức về loại hình kịch và thể loại bi kịch vào việc tìm hiểu đoạn trích. GV nêu câu hỏi cho HS thảo luận về bi kịch và xác định xung đột kịch của vở *Rô-mê-ô và Giu-li-ét*.

– GV cho HS tự trình bày lại cốt truyện có trong SGK, lưu ý cách đọc các tên riêng. Phần này, GV cho HS tự đọc ở nhà và tự tóm tắt theo cách hiểu của mình với một độ dài được khống chế (khoảng một trang), để từ đó các em nắm vững hơn về tác phẩm.

– GV nhắc lại cho HS biết vị trí của đoạn trích trong cấu trúc chung của toàn tác phẩm. Vì đoạn trích ở đầu hồi II, nên GV nhắc lại một vài chi tiết của hồi I, còn các hồi khác thì lướt qua.

2. Tiến trình tổ chức dạy học

a) Đọc văn bản

GV tổ chức cho HS đọc văn bản, có thể chọn hai HS để đọc các lời thoại nhưng không diễn kịch. Ở đây, cần nhấn mạnh tính chất nồng nàn, say đắm của tình cảm yêu đương, cho nên khi đọc cần thiết phải đúng giọng, diễn cảm và biểu cảm.

b) Thảo luận giải đáp các câu hỏi phần *Hướng dẫn học bài*

Câu 1

Nhằm giúp HS hiểu được hình thức của các lời thoại trong đoạn trích, GV có thể ghi thành đề mục : *Hình thức của các lời thoại*.

– GV cho HS nêu nhận xét về số nhân vật, số lời thoại của mỗi nhân vật trong cảnh kịch này. GV lưu ý HS về những chữ in nghiêng (tức là các chỉ dẫn sân khấu) để HS hình dung được không gian, thời gian, vị trí của hai nhân vật.

– GV gọi cho HS biết khi nói chuyện với nhau (có thể là hai hoặc nhiều người) thì lời thoại hướng vào nhau, tạo ra tính chất *hỏi – đáp*. Từ đó, HS có thể dễ dàng chứng minh rằng trong sáu lời thoại đầu, hai nhân vật không đối thoại với nhau, cho dù trong lời thoại của họ đều có nhắc đến tên nhau. Sáu lời thoại đầu, về mặt hình thức, là các độc thoại. Các nhân vật nói *về* nhau chứ không nói *với* nhau. Độc thoại là nói một mình, tự mình nói với chính mình. HS có thể đưa ra các dẫn chứng: "Ấy, khe khẽ chứ!" ; "Ôi, đấy là người ta yêu! Ôi, giá nàng biết nhỉ!" ; "Sao chàng lại là Rô-mê-ô nhỉ?". Vì các độc thoại này là tiếng lòng của nhân vật, nên xét về bản chất, các lời thoại này là các độc thoại nội tâm. Nhân vật nói ra thành tiếng những suy nghĩ của mình về một đối tượng hay một hiện tượng nào đấy đang ám ảnh mình. Nhân vật nói một mình và chỉ để cho một mình mình nghe. Trong kịch, cho dù lời thoại là độc thoại nội tâm thì nhân vật cũng phải nói to (để khán giả nghe được) và giả định là nhân vật kia không nghe thấy những lời nói đó.

– Vì là độc thoại nội tâm, nên sáu lời thoại đầu chứa đựng cảm xúc yêu thương chân thành, đắm thắm. Trên cơ sở ngôn từ mượt mà, cách nói đầy những so sánh, ví von phù hợp với tâm trạng phẫn chấn, rạo rực chen lẫn bồn chồn của những người đang yêu, GV gọi cho HS thấy, tuy là lời độc thoại nội tâm song không phải là kiểu phát ngôn đơn tuyến, một chiều mà trong độc thoại đó cũng xuất hiện tính đối thoại. HS đưa ra các dẫn chứng về cách nói của nhân vật Rô-mê-ô: lúc thì như nói với Giu-li-ét khi nàng vừa xuất hiện bên cửa sổ ("vùng dương đẹp tươi oi..." ; "Hỡi nàng tiên lộng lẫy, hãy nói nữa đi!"), lúc thì như đang đối thoại với chính mình ("Kìa! Nàng tì má lên bàn tay! Ôi! Uớc gì ta là chiếc bao tay, để được mon trón gò má ấy!"); "Mình cứ nghe thêm nữa, hay mình nên lên tiếng nhỉ?". Tính đối thoại trong độc thoại làm cho lời thoại thêm sinh động. GV nhấn mạnh điểm này để HS nhận biết được vẻ đẹp của lời văn Sếch-xpia.

– Mười lời thoại còn lại mang hình thức đối thoại, tức là các lời thoại ấy hướng vào nhau, các nhân vật nói cho nhau nghe. Tính chất *hỏi đáp, đối đáp* xuất hiện.

Câu 2

GV nêu đề mục *Tình yêu trên nền thù hận* và cho HS đưa ra các dẫn chứng để chứng minh. Các dẫn chứng này có cả trong lời độc thoại lẫn đối thoại. Tính chất hận thù của hai dòng họ được phản ánh trong lời thoại của Giu-li-ét, năm lần ("Chàng hãy khước từ cha chàng và từ chối dòng họ của chàng đi", "Chỉ có tên họ chàng là thù địch của em thôi", "nơi tử địa", "họ mà bắt gặp anh", "Em chẳng đời nào muốn họ bắt gặp anh nơi đây"); của Rô-mê-ô, ba lần ("từ nay, tôi sẽ không bao giờ còn là Rô-mê-ô nữa", "tôi thù ghét cái tên tôi", "chẳng phải Rô-mê-ô cũng chẳng phải Môn-ta-ghiu").

– Nỗi ám ảnh về hận thù giữa hai dòng họ xuất hiện ở Giu-li-ét nhiều hơn, cho thấy nỗi lo kèm theo sự ái ngại về hoàn cảnh của Giu-li-ét. Song Giu-li-ét không chỉ lo cho mình mà còn lo cả cho người mình yêu. Thái độ của Rô-mê-ô đối với hận thù giữa hai dòng họ quyết liệt hơn. Chàng sẵn sàng từ bỏ dòng họ của mình, thể hiện sự dũng cảm để đến với tình yêu. Điều mà Rô-mê-ô sợ là sợ không có được, không chiếm được tình yêu của Giu-li-ét, sợ nàng nhìn mình bằng "ánh mắt" của sự thù hận ("ánh mắt của em còn nguy hiểm cho tôi hơn hai chục lưỡi kiếm của họ ; em hãy nhìn tôi âu yếm là tôi chẳng ngại gì lòng hận thù của họ nữa đâu"). Cả hai đều ý thức được sự thù hận đó, song nỗi lo chung của hai người là lo họ không được yêu nhau, họ không có được tình yêu của nhau. Cả hai đều nhắc tới hận thù song không nhằm khơi dậy, khoét sâu hận thù mà chỉ để hướng tới vượt lên trên hận thù, bất chấp hận thù. GV khái quát lại để HS thấy rằng, ở đây, sự thù hận của hai dòng họ là cái nền còn tình yêu của Rô-mê-ô và Giu-li-ét không xung đột với hận thù ấy. Đây là sự khẳng định quyết tâm xây đắp tình yêu của hai người.

Câu 3

GV ghi đề mục *Tâm trạng của Rô-mê-ô* và hướng cho HS phân tích ý nghĩ và cách liên tưởng so sánh của Rô-mê-ô.

– Trước hết là bối cảnh đêm khuya – trăng sáng. Màn đêm thanh vắng với vầng trăng trên trời cao tạo ra chiều sâu cho sự bộc lộ tình cảm của đôi tình nhân. Thiên nhiên *được nhìn qua các điểm nhìn của nhân vật*. Thiên nhiên là thiên nhiên hoà cảm, đồng tình, trân trọng, chở che. GV cần chú ý điều này để hướng cho HS tìm tòi suy nghĩ và phát hiện.

– GV lưu ý cho HS phát hiện trăng ở đây đóng vai trò trang trí cho cảnh gặp gỡ tình tứ song rất mực đoan chính của đôi tình nhân.

– Trong khung cảnh ấy, trăng trở thành đối tượng để Rô-mê-ô so sánh với vẻ đẹp không thể sánh được của Giu-li-ét. Cách Rô-mê-ô đưa ra là so sánh Giu-li-ét như "vầng dương" lúc bình minh ; sự xuất hiện của "vầng dương" khiến "ả Hằng Nga" trở nên "héo hon", "nhọt nhạt". GV lưu ý HS biết là lúc này Giu-li-ét đã xuất hiện bên cửa sổ. Theo mạch suy nghĩ của Rô-mê-ô, phù hợp tâm lí người đang khao khát yêu đương thì các so sánh này là hợp lí. Sự xuất hiện của Giu-li-ét bên cửa sổ sẽ trở thành "ánh sáng" của "phương đông" và do đó "nàng Giu-li-ét là mặt trời".

– Mạch suy nghĩ của Rô-mê-ô hướng vào đôi mắt : "Đôi mắt nàng lên tiếng". Đôi mắt lấp lánh của Giu-li-ét cảm nhận như sự mấp máy của làn môi khi nói. Sự liên tưởng này là hợp lí.

– Nếu vẻ đẹp của Giu-li-ét được so sánh với "vầng dương" thì đôi mắt của Giu-li-ét được so sánh với các ngôi sao và đó là "hai ngôi sao đẹp nhất bầu trời". Sự so sánh

được đẩy lên cấp độ cao hơn bằng một sự tự vấn : "Nếu mắt nàng lên thay cho sao, và sao xuống nằm dưới đôi lông mày kia thì thế nào nhỉ ?". GV cho HS phân tích câu hỏi tự vấn này của Rô-mê-ô qua hai khía cạnh : "mắt nàng lên thay cho sao, và sao xuống nằm dưới đôi lông mày". Khía cạnh thứ nhất chính là khẳng định vẻ đẹp của đôi mắt vì lúc đó "cặp mắt nàng trên bầu trời sẽ rọi khắp không gian một làn ánh sáng tung bùng...". Đối với khía cạnh thứ hai "sao xuống nằm dưới đôi lông mày" thì lúc đó vẻ đẹp thứ hai của Giu-li-ét sẽ xuất hiện : "Vẻ rực rỡ của đôi gò má nàng sẽ làm cho các vì tinh tú phải hổ ngươi". Các nét đẹp trên khuôn mặt Giu-li-ét lần lượt hiện lên : đẹp của đôi mắt, đẹp của gò má. Từ đó, dẫn tới một khát vọng yêu đương hết sức mãnh liệt : "Kìa ! Nàng thì má lên bàn tay ! Ôi ! Ước gì ta là chiếc bao tay, để được sờ trơn gò má ấy !". Sự suy nghĩ cũng như cách so sánh liên tưởng của Rô-mê-ô là hợp lí.

– Lưu ý trong lời thoại mở đầu cảnh kịch khi Rô-mê-ô so sánh ánh trăng với các vì sao – hiển nhiên là còn ngầm so sánh với vẻ sáng ngời của đôi mắt, của nét mặt rạng ngời của Giu-li-ét với ánh trăng ấy. Trong bối cảnh ấy, Giu-li-ét hiện ra dưới con mắt của Rô-mê-ô như một "nàng tiên lộng lẫy" "toả ánh hào quang, trên đầu ta, như một sứ giả nhà trời có cánh". Đây là cảm xúc của một con người đang yêu và đang được tình yêu đáp lại, đây cũng là một sự cộng hưởng tình cảm kì lạ của những tâm hồn đang yêu mà Sếch-xpia đã quan sát và nhận biết một cách tài tình và ông cũng miêu tả hết sức thành công, đạt tới mức điển hình tâm trạng đang yêu ấy. Hiển nhiên, tình yêu này là tình yêu chân thành, không vụ lợi và cũng rất hồn nhiên trong trắng. Cái đẹp của bối cảnh làm nền cho sự phát triển của tình yêu trong trắng.

– Sự so sánh được thể hiện dưới các dạng thức hoặc tương đồng hoặc tương phản. So sánh Giu-li-ét là "vầng dương", là "phương đông", là "mặt trời",... dù Rô-mê-ô chỉ nhìn thấy gương mặt mà chủ yếu qua đôi mắt, gò má của nàng nhưng cách so sánh đó không mang tính chất khuôn sáo, tán tụng mà là cách nói từ tình yêu rất chân thành. GV cần chú ý là vào thời của Sếch-xpia, các vở kịch đều phải diễn ban ngày nên ngôn ngữ kịch phải lột tả tới mức tối đa tâm trạng, hoàn cảnh.

Câu 4

GV có thể đưa ra đề mục *Tâm trạng của Giu-li-ét* và cho HS biết là cảnh này xảy ra sau khi Rô-mê-ô và Giu-li-ét đã gặp gỡ nhau trong lễ hội hoá trang trước đó không lâu. Cũng chính trong cuộc gặp gỡ này tình yêu giữa họ đã nảy sinh. Trong cuộc gặp đó, Rô-mê-ô đã thốt lên : "Nàng là họ Ca-piu-lét sao ? Ôi oan trái yêu quý, đời sống của ta nay nằm trong tay người thù" và Giu-li-ét cũng nhận thức điều đó : "Một mối thù sinh một mối tình – Vội chi sớm gặp, biết đành muộn sao ! – Tình đâu

trắc trở gian lao – Hận thù mà lại khát khao ân tình". Cả hai đều đã nhận thức được cái tình cảnh oái oăm, hoàn cảnh thù địch mà họ bị đặt vào.

– Sự nhận thức đó dẫn tới độc thoại của Giu-li-ét như là một sự băn khoăn day dứt, một sự dằn vặt thể hiện tâm trạng rối bời trước hoàn cảnh éo le. Các lời độc thoại (2, 4, 6) của Giu-li-ét cho thấy tình yêu mãnh liệt đang bùng lên. Lời thoại thứ hai đơn giản chỉ là một cụm từ cảm thán "Ôi chao !" nhưng nó cho thấy cảm xúc bị dồn nén không thể không thổ lộ ra thành lời, đồng thời cũng hàm chứa một tiếng thở dài mang dáng vẻ lo âu, vì hai lẽ : thứ nhất là hận thù giữa hai dòng họ, thứ hai là không biết Rô-mê-ô có thật sự yêu mình không.

– Tâm trạng của Rô-mê-ô đơn giản hơn nhiều. Chàng đã yêu, đã được đáp lại bằng tình yêu và đi tới dứt khoát khẳng định tình yêu, sẵn sàng từ bỏ dòng họ, từ bỏ tên họ mình (lời thoại 7, 9, 11). Các lời độc thoại 4, 6 của Giu-li-ét là sự thổ lộ tình yêu trực tiếp, không ngại ngùng. Việc thổ lộ tình yêu trực tiếp qua các lời thoại này, không phải để nói với Rô-mê-ô, bởi vì người con gái thường không chủ động thổ lộ tình yêu với người mình yêu, mà để nói với chính mình. Hơn nữa, Giu-li-ét cũng không hề biết là Rô-mê-ô đang đứng nấp gần đấy. Các lời thoại này cho thấy sự chín chắn trong suy nghĩ của Giu-li-ét qua sự tự phân tích để đi tới khẳng định : "Chỉ có tên họ chàng là thù địch của em thôi". Cách đặt vấn đề của Giu-li-ét rất hồn nhiên, tha thiết và trong trắng, vừa tự chất vấn mình rồi lại tự tìm cách trả lời : "Cái tên nó có nghĩa gì đâu ?" rồi tự đề xuất các giải pháp : "Chàng hãy vứt bỏ tên họ của chàng đi". Hoặc đề xuất một cách làm táo bạo thể hiện một tình yêu cháy bỏng : "Chàng hãy đem tên họ ấy, nó đâu phải xương thịt của chàng, đổi lấy cả em đây !". Câu trả lời là một giải pháp khẳng định, không có cách lựa chọn nào khác, không có cách giải quyết nào khác.

– Lời thoại thứ 8, 10 (lời của Giu-li-ét) cho thấy sự bất ngờ của Giu-li-ét khi biết có người đang nhìn mình, đang nghe mình thổ lộ. Sự bất ngờ của Giu-li-ét không tạo ra cảm giác sợ hãi, bởi vì, xét về mặt tâm lí, lúc đó Giu-li-ét cũng đang rất cần một sự đồng cảm, sẻ chia. Và khi biết được người đang ẩn nấp đó là Rô-mê-ô thì tâm trạng của Giu-li-ét trở nên phấn chấn : "Tai tôi nghe chưa trọn một trăm tiếng thốt từ miệng đó ra mà tôi đã nhận ra tiếng ai rồi". Song nỗi sợ về mối hận thù giữa hai dòng họ lại loé lên trong suy nghĩ của Giu-li-ét : "Chẳng phải anh Rô-mê-ô, và là họ nhà Môn-ta-ghiu đấy ư?". Về đầu của câu hỏi này vừa là để hỏi vừa trả lời khẳng định luôn, song về hai được đưa ra, có vẻ không cần thiết, nhưng lại cho thấy nỗi ám ảnh của Giu-li-ét. Các lời thoại 7, 9, 11 của Rô-mê-ô mang tính khẳng định và quyết tâm được nhấn mạnh bằng các cụm từ : "nàng tiên yêu quý", "nàng tiên kiêu diễm" và các từ ngữ dứt khoát : "tôi thù ghét", "tôi xé nát". Nhưng Giu-li-ét vẫn e ngại và đưa ra câu hỏi : "Anh... tới làm gì thế?". Câu hỏi này có vẻ như thừa song lại là điều mà Giu-li-ét cần biết : Rô-mê-ô có thực sự yêu mình

không ? Động cơ thúc đẩy Rô-mê-ô đến có phải tình yêu chân thành hay chỉ là sự bông bột thoáng qua ? Nàng sợ Rô-mê-ô không thành thật.

– Khi không nghĩ về dòng họ Môn-ta-ghiu nữa thì Giu-li-ét lại nghĩ đến dòng họ Ca-piu-lét của mình và khẳng định vị trí nơi hai người đang nói chuyện là "nơi tử địa" "nếu anh bị họ hàng nhà em bắt gặp nơi đây", "họ mà bắt gặp anh, họ sẽ giết chết anh". Đó chưa kể là khó khăn cụ thể trước mắt đối với Rô-mê-ô : "Tuồng vườn này cao, rất khó trèo qua". Như vậy, Giu-li-ét đã nhận thức được các bức tường đang ngăn cách họ : bức tường đá của vườn nhà, bức tường của hận thù giữa hai dòng họ liệu Rô-mê-ô có dám vượt qua không và bức tường – tình cảm của Rô-mê-ô có thật lòng không ?

– Các bức tường lần lượt được dỡ bỏ. Trước hết, điều mà Giu-li-ét cần nhất là tình yêu chân thành của Rô-mê-ô. Điều này được khẳng định ở lời thoại 13, lời của Rô-mê-ô, mà ở đó cụm từ "tình yêu" được nhấn mạnh bốn lần với một sự khẳng định dứt khoát : "Cái gì tình yêu có thể làm là tình yêu dám làm". Bức tường thù hận được dỡ bỏ bởi chính quyết tâm của hai người, nhất là quyết tâm của Giu-li-ét trong lời thoại 16 : "Em chẳng đời nào muốn họ bắt gặp anh nơi đây". Còn bức tường đá của vườn nhà thì đã có "đôi cánh nhẹ nhàng của tình yêu" nâng đỡ.

– Diễn biến nội tâm của Giu-li-ét phức tạp nhưng phù hợp với tâm lí của người đang yêu. Đồng thời cũng cho thấy sự chín chắn trong tình yêu của Giu-li-ét. Sự day dứt trong tâm trạng đó cho thấy sức ép nặng nề của hoàn cảnh, thấy được sự vây hãm của mối hận thù truyền kiếp giữa hai dòng họ, thấy được mối nguy hiểm đang đe dọa cả hai người.

– GV cần chú ý đến sắc thái biểu cảm trong ngôn từ của hai nhân vật, ngôn ngữ vừa sống động vừa hàm súc và đầy chất thơ. Ngôn ngữ của cả hai người còn thể hiện nỗi bức xúc không thể nén được của tình cảm yêu thương đã bùng phát giữa hai người, nỗi bức xúc phải thổ lộ, phải giải bày cho dù chỉ để nói với chính mình thôi (tức là cách thức tự hỏi rồi lại tự trả lời) hay phải vượt tường để đến với nhau cho dù mọi nguy hiểm vẫn đang rình rập mà động lực cho hành vi ấy chính là sức mạnh của tình yêu : "Cái gì tình yêu có thể làm là tình yêu dám làm". Tuy nhiên, GV cần nhấn mạnh cho HS thấy đây là tình yêu từ hai phía, có sự rung động mãnh liệt và đồng cảm giữa hai bên chứ không phải là tình yêu đơn phương, tình yêu một phía.

Câu 5

GV có thể nêu đề mục : *Tình yêu bất chấp thù hận.*

– Đối với câu hỏi này, GV định hướng cho HS xây dựng cách hiểu về xung đột kịch. Trong toàn vở *Rô-mê-ô và Giu-li-ét*, xung đột cơ bản là xung đột giữa tình yêu và thù hận. Tuy nhiên trong đoạn trích này, thù hận không xuất hiện như một thế lực cản trở tình yêu. Thù hận chỉ hiện ra qua suy nghĩ của các nhân vật, song không phải là động lực chi phối, điều khiển hành động của nhân vật.

– Đối với Rô-mê-ô, chàng đã gặp Giu-li-ét, đã có được tình yêu của Giu-li-ét và sẵn sàng làm tất cả vì tình yêu ấy (các lời thoại 7, 9, 11).

– Đối với Giu-li-ét, sự xuất hiện cảm thức về các bức tường cản trở là có thật. Điều này phản ánh sự chín chắn trong suy tư của nàng, song đây không phải là sự tính toán thiệt hơn. Điều mà Giu-li-ét cần là tình yêu chân thực của Rô-mê-ô, và tình yêu của Rô-mê-ô dành cho nàng là tất cả. Cho nên, khi biết và khẳng định chắc chắn Rô-mê-ô đến với mình bằng tình yêu thì mọi nghi ngại không còn, các băn khoăn cũng chấm dứt.

– Như vậy, trong đoạn trích gồm mười sáu lời thoại này, tình yêu không xung đột với thù hận mà chỉ diễn ra trên nền thù hận. Thù hận bị đẩy lùi, bị xoá đi vĩnh viễn, chỉ còn lại tình người tình đời bao la, phù hợp với lí tưởng nhân văn. Chính vì lẽ đó, tác phẩm *Rô-mê-ô và Giu-li-ét* trở thành bài ca ca ngợi và khẳng định tình yêu cao đẹp. Vấn đề *Tình yêu và thù hận* về cơ bản đã được giải quyết.

– GV cần xác định cách hiểu về xung đột và xung đột kịch : xung đột là cuộc đấu tranh giữa những lực lượng đối lập. Xung đột là thành tố quan trọng nhất của truyện ngắn, tiểu thuyết và kịch, bởi vì nó tạo ra những hành động mà từ đó tác giả xây dựng nên cốt truyện. Có hai loại xung đột : xung đột bên trong với cuộc đấu tranh diễn ra trong nội tâm nhân vật (tất nhiên đối với kịch thì cho dù là diễn ra bên trong tâm hồn nhân vật, xung đột đó vẫn phải được thể hiện bằng lời) và xung đột bên ngoài, ở đó nhân vật đấu tranh với những lực lượng bên ngoài để thực hiện ý nguyện ước mơ của mình. Có thể coi xung đột như là một sự đối lập, một sự mâu thuẫn với tư cách là một nguyên tắc tương tác giữa các hình tượng trong tác phẩm nghệ thuật. Xung đột nghệ thuật tái hiện sự va chạm của các nhân tố tinh thần và đời sống đang đối chọi với nhau theo một cách thức nào đó tuỳ hoàn cảnh gắn với nhân vật. Xung đột không chỉ đơn thuần là sự va chạm bên ngoài giữa các đối lập của mâu thuẫn mà nó còn là phương tiện bộc lộ và khẳng định một tư tưởng nào đó mà tác giả muốn trình bày với người xem. Xung đột trong bi kịch là "xung đột không có lối thoát, kết quả của nó là một cuộc đấu tranh sẽ xảy ra và sẽ được kết thúc bằng cái chết của nhân vật". Xung đột bi kịch là những xung đột có ý nghĩa xã hội, lịch sử, đạo đức, tâm lí. Nó liên quan tới lẽ sống và tình đời rộng lớn của con người.

– GV cần lưu ý hướng cho HS phân tích *cách nói, lối nói hồn nhiên* của cả hai người, thấy được *cách sử dụng lối nói của nhau* để xoá đi sự ngăn cách mà hận thù tạo ra, đồng thời cho thấy sự lo lắng tràn đầy yêu thương mà Giu-li-ét dành cho Rô-mê-ô và sự dũng cảm khi Rô-mê-ô chấp nhận mạo hiểm để đến tìm Giu-li-ét. Tình yêu ở đây trở thành sức mạnh chở che cho đôi tình nhân cũng như tạo cho họ quyết tâm gắn bó trọn đời với nhau.

– Tuy nhiên, *Rô-mê-ô và Giu-li-ét* là một vở bi kịch, GV phải chỉ ra tính chất bi kịch của mối tình của hai người qua các chi tiết sau :

– Vị trí của hai người :

+ Chỗ đứng của Rô-mê-ô là trên bức tường rào xung quanh nhà Giu-li-ét. Tuy bức tường ấy bằng đá nhưng nó chỉ để chõ che cho gia đình Ca-piu-lét, nghĩa là cho một thế lực hận thù có thể đe dọa trực tiếp tính mạng của Rô-mê-ô.

+ Chỗ Giu-li-ét đứng là nơi cửa sổ của căn phòng riêng của nàng, tuy có các bức tường của căn phòng che chở nhưng đó cũng là những bức tường của sự ràng buộc của vòng lễ giáo.

Giữa họ là một khoảng không gian không quá rộng song cũng chẳng đủ hẹp để họ có thể nắm tay nhau. Họ chỉ có thể nói với nhau, có thể nhìn nhau trong vị thế khá chênh vênh (nhất là đối với Rô-mê-ô) ấy. Tuy nhiên, cái khoảng không vắng lặng ấy lại ẩn chứa nhiều mối nguy hiểm nhất là mối thù của hai dòng họ. Có thể bắt chợt một người nào đó của nhà Ca-piu-lét xuất hiện. Cho nên, sự thinh lặng của không gian hàm chứa trong nó yếu tố bị kích, yếu tố đe dọa tới tính mạng của hai người cũng như cho chính hạnh phúc mà cả hai đang hướng tới. Người xem lo sợ cho những hiểm nguy rình rập họ, tạo ra hiệu quả nghệ thuật về một sự đồng cảm giữa người xem và nhân vật. GV có thể chỉ cho HS thấy ở đây có hai không gian lồng vào nhau : Không gian nơi đôi tình nhân đứng bị trùm phủ bởi một không gian khác lớn hơn – không gian của sự thù địch giữa hai dòng họ. Sự thù địch này xuất hiện ngay từ những lời thoại đầu tiên, thỉnh thoảng lại loé lên trong câu chuyện của hai người như một sự nhắc nhở ("Họ mà bắt gặp anh, họ sẽ giết chết anh").

– GV lưu ý HS tính chất trong trắng, đoan trang của mối tình Rô-mê-ô và Giu-li-ét. Các nhân vật ở đây nói năng với nhau, thổ lộ với nhau một tình sâu nghĩa nặng với một lối nói chân thành, không suông sã, không bông chạc. Cả hai đều rất tôn trọng nhau và rất cao thượng. Nhưng đây là tình yêu đến với tình yêu, tình yêu đến từ hai phía chứ không phải tình yêu đơn phương hay bị ép buộc. GV có thể liên hệ với thực tế hoặc từ các tư liệu khác để nhấn mạnh.

III – KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ – GỢI Ý GIẢI BÀI TẬP

1. Kiểm tra, đánh giá

Có nhiều cách để kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của HS. Ở đây GV nên đưa ra câu hỏi nhằm củng cố bài học, mặt khác có thể mở rộng tri thức cho HS.

2. Gợi ý giải bài tập

Bài tập 1

"Ca ngợi tình yêu chân chính của con người cũng chính là khẳng định con người" cần được hiểu một cách thấu đáo. Trước hết, tình yêu có sức mạnh nối kết

con người lại với nhau, xoá đi mọi thành kiến lạc hậu hay hận thù chia rẽ con người. Tình yêu làm cho tình người được nối lại. Tình yêu nâng đỡ, cổ vũ cho con người, tạo nên lẽ sống : "Sống là yêu thương". Tình yêu, do đó, thực hiện chức năng bảo vệ và gìn giữ cho cuộc sống, giúp cuộc sống phát triển. Song phải là tình yêu chân chính. Các trích dẫn phải được rút ra từ đoạn trích này.

Bài tập 2

Bài tập này nhằm tạo ra một không khí học tập. Việc cho HS thử nhập vai và trình diễn lại đoạn trích (có thể mở rộng đoạn trích) giúp các em hoà đồng tốt hơn và hiểu sâu tác phẩm hơn.

IV – TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nhiều tác giả, *Văn học phương Tây* (phần *Văn học Phục hưng*), NXB Giáo dục, Hà Nội, 1997.
2. Lưu Đức Trung (Chủ biên), *Văn học nước ngoài* (chương trình dành cho hệ Cao đẳng Tiểu học) (phần *U. Sếch-xpia và tác phẩm Hăm-lét*), NXB Giáo dục, Hà Nội, 1998.
3. Lê Nguyên Cẩn, *Tác gia tác phẩm văn học nước ngoài trong nhà trường : Uy-li-am Sếch-xpia*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2006.